

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Thảo.

2. Bà Lê Thị Nhớ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc A - sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Số nhà K02/75 đường A, tổ 34, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Số 21 đường D, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn Anh D - sinh năm 1984; nơi cư trú: Số K02/75 đường A, tổ 34, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 13 tháng 02 năm 2020, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 08 tháng 5 năm 2020 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc A trình bày: Tôi và anh D kết hôn vào năm 2013, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa hai bên hạnh phúc được vài năm thì đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh D thường xuyên nhậu say xỉn và có sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 9 năm 2019, tôi và con thuê trọ sống riêng, đến tháng 02 năm 2020 thì anh D gây áp lực cho tôi để đem con về nuôi. Trong thời gian ly thân, anh D thường xuyên gọi điện và nhắn tin chửi tôi, đến quấy phá công ty nơi tôi đang làm việc, nhiều lần đe dọa mạng sống của tôi. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn đối với anh D.

Về con chung, tôi và anh D có 01 con chung là Ngô Nguyễn Cát T - sinh ngày: 25/6/2014. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, tôi xác định chúng tôi không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 08 tháng 5 năm 2020 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn ông Ngô Văn Anh D trình bày: Vợ chồng chúng tôi tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 05/8/2013. Tôi thống nhất với lời trình bày của vợ tôi Nguyễn Ngọc A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Việc mâu thuẫn vợ chồng là do tôi, vợ chồng tôi đã không còn sống chung, tình cảm không còn, nay vợ tôi yêu cầu được ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, hiện nay con chung Ngô Nguyễn Cát T hiện đang sinh sống cùng với tôi. Vì thế khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, chúng tôi không có nên tôi không đề cập.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự,

riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà A được ly hôn ông D; giao con chung Ngô Nguyễn Cát T - sinh ngày: 25/6/2014 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà A và ông D đều xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Ngọc A và ông Ngô Văn Anh D đã tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 103/2013 (quyển số 01/2013) ngày 05/8/2013; bị đơn cư trú tại quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc A đối với ông Ngô Văn Anh D về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc A và ông Ngô Văn Anh D là hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà A và ông D sống chung cùng gia đình ông D tại: Số K02/75 đường A, tổ 34, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Đến đầu năm 2019 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên bà A ra thuê nhà trọ sống riêng. Theo bà A khai, nguyên nhân vợ chồng sống mỗi người một nơi cho đến nay là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông D thường xuyên nhậu say xỉn và có sử dụng ma túy. Ông D xác nhận nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như lời bà A đã khai, và ông D thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định đời sống hôn nhân của các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu ly hôn của bà A phù hợp với Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà A được ly hôn ông D.

[3] *Về nuôi dưỡng con chung*: Bà A và ông D có 01 con chung là Ngô Nguyễn Cát T - sinh ngày: 25/6/2014. Cả bà A và ông D đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của các đương sự là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần phải xem xét đến. Xét thấy cháu Ngô Nguyễn Cát T còn nhỏ,

đang ở độ tuổi phát triển, lại có cùng giới tính nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ mới đảm bảo tốt hơn cho sự phát triển của cháu. Mặt khác, bà A hiện có việc làm, có nguồn thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống cho con chung; trong khi đó, ông D có tính bạo lực gia đình, sử dụng ma túy, không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập cá nhân. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà A nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Nguyễn Ngọc A không yêu cầu ông Ngô Văn Anh D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Cả bà A và ông D thực hiện quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản đối với bên thứ ba: Bà Nguyễn Ngọc A và ông Ngô Văn Anh D cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ tài sản gì đối với bên thứ ba. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này nếu có tranh chấp thì các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc A đối với ông Ngô Văn Anh D về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Ngọc A được ly hôn ông Ngô Văn Anh D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Nguyễn Cát T - sinh ngày: 25/6/2014 cho bà Nguyễn Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001785 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; như vậy, bà A đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/7/2020).

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Đương sự;
- UBND xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tuấn